TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2022/DS-ST
Ngày: 30-11-2022
V/v: Tranh chấp hợp đồng mua xe trả chậm và hợp tác kinh doanh.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Văn Hợp

2. Ông Nguyễn Duy Khương

Thư ký phiên toà: Bà Phan Thị Quyên – Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang *tham gia phiên toà:* Ông Lâm Sển - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21-01-2021, 06-01-2022 và 30-11-2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 88/2020/TLST-DS ngày 20 tháng 4 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng thuê tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2020/QĐXXST-DS, ngày 25-12-2020; Thông báo tiếp tục mở phiên tòa số: 15/2021/TB-TA ngày 22-12-2021 và Thông báo tiếp tục mở phiên tòa số: 21/2022/TB-TA ngày 27-10-2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Huỳnh Mỹ Q, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Địa chỉ: phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

- *Người đại diện theo ủy quyền*: Ông Ngô Minh B, sinh năm 1965 (có mặt)

Địa chỉ: phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:* Bà Dương Thùy Liên - Văn phòng Luật sư Bùi Điệp và Cộng sự thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Kiên Giang. (có mặt)

2. Bị đơn: Công ty cổ phần N

Địa chỉ: ấp S, xã V, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

- *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Trần Bá T, chức vụ: Tổng Giám đốc. (vắng mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn H

Địa chỉ: khu phố B, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Trần Bá T, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Huỳnh Mỹ Q và ông Ngô Minh B - đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Ông Huỳnh Mỹ Q (gọi tắt là bên A) có ký 03 hợp đồng mua xe trả chậm và hợp tác kinh doanh với Công ty cổ phần N (gọi tắt là bên B) như sau:

Hợp đồng số 233/2018/HĐ.HTKD ngày 01-4-2018 đối với chiếc xe biển số 68A-076.65; Hợp đồng số 293/2018/HĐ.HTKD ngày 08-10-2018 đối với chiếc xe biển số 61A-520.94 và Hợp đồng số 295/2018/HĐ.HTKD ngày 08-10-2018 đối với chiếc xe biển số 61A-523.71, về việc thương quyền trả góp có ký quỹ trong lĩnh vực kinh doanh vận tải hành khách công cộng với thương hiệu là PQ taxi. Hình thức hợp tác kinh doanh bằng tài sản là xe taxi thuộc quyền sở hữu của Công ty cổ phần N là 03 chiếc xe mang biển số 68A-076.65, 61A-523.71 và 61A-520.94. Theo thỏa thuận bên A tự nguyện cam kết tham gia hợp tác kinh doanh bằng cách trả trước khoản tiền mặt bằng 8.000.000 đồng đối với mỗi hợp đồng, số tiền này được đóng 01 lần cho bên B trong vòng 03 ngày kể từ ngày ký hợp đồng. Đồng thời, bên A phải ký quỹ (đặt cọc) là 30.000.000 đồng. Theo hợp đồng vào ngày 25 hàng tháng bên A phải thanh toán trước cho bên B các khoản tiền gồm tiền gốc và lãi chậm trả hàng tháng là 8.000.000 đồng, phí quản lý cộng phí thương hiệu là 100.000 đồng/ngày, phí kinh doanh tiếp thị là 15.000 đồng/ngày, phí thu hộ và chi hộ 3.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng bên A đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình. Thời hạn hợp tác kinh doanh là 06 năm kể từ ngày 08-10-2018 đến ngày 08-10-2024.

Đến ngày 16-10-2019 Công ty cổ phần N đã đơn phương ra quyết định thu hồi phương tiện là 03 chiếc xe mang biển số 68A-076.65; 61A-523.71 và 61A-520.94 với lý do bên A vi phạm hợp đồng, quá hạn tiền âm xe tháng 9-2019 với số tiền cả 02 xe 61A-523.71 và 61A-520.94 là 4.471.991 đồng. Đối với chiếc xe biển số 68A-076.65 do gây tai nạn, bên A bỏ lại gara không giải quyết hậu quả nên công ty thu hồi là đúng nên bên A không khởi kiện đối với chiếc xe này. Đối với 02 xe biển số 61A-523.71 và 61A-520.94 bên A xác định không vi phạm hợp đồng; cụ thể là vào ngày 25-9-2019 và ngày 09-10-2019 bên A đã thanh toán đầy đủ các khoản tiền hàng tháng cho bên B. Đối với chiếc xe 61A-523.71 thì bên A cũng đóng tiền đủ vào cuối tháng 09 nhưng đến ngày 09-10-2019 bên B mới ra phiếu thu và nội dung thu do bên B ghi sai tháng, đó là số tiền đóng cho tháng 10 năm 2019 chứ không phải là tháng 9. Vì theo như thỏa thuận trong hợp đồng, thì vào ngày 25 hàng tháng bên A phải đóng cho bên B các khoản tiền cho tháng sau, nếu quá thời hạn 03 ngày là bị cắt áp, không chạy xe được. Khi nhận được quyết định thu hồi xe bên A đã làm đơn và trực tiếp đến gặp Ban giám đốc Công ty để cùng nhau trao đổi thương lượng và yêu cầu xem xét lại quyết

định thu hồi xe nhưng Ban giám đốc Công ty không tiếp nhận đơn để giải quyết và cho rằng quyết định thu hồi xe của Công ty là đúng.

Theo đơn khởi kiện ông Huỳnh Mỹ Q yêu cầu Công ty cổ phần N phải có trách nhiệm trả lại cho ông Q tiền ký quỹ (đặt cọc) của 02 chiếc xe biển số 61A-523.71 và 61A-520.94 với số tiền 30.000.000 đồng/1 xe x 2 = 60.000.000 đồng. Tiền thương quyền tháng 10-2019 (công ty thu hồi xe ngày 15-10-2019 là 17 ngày) = 6.342.096 đồng/1 xe x 2 xe = 12.184.193 đồng. Do ông Qmới đóng bảo hiểm thân xe và bảo hiểm bắt buộc vào ngày 24-9-2019 đến ngày 16-10-2019 Công ty thu hồi xe, do đó ông Qyêu cầu Công ty phải trả cho ông Qtoàn bộ số tiền mua bảo hiểm thân xe đối với 2 chiếc xe là 18.410.000 đồng và bảo hiểm bắt buộc 2 xe là 2.975.000 đồng. Tổng cộng các khoản là 93.569.000 đồng.

Tại phiên tòa, ông Ngô Minh B xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số tiền thương quyền tháng 10-2019 là 12.184.193 đồng. Tiền mua bảo hiểm thân xe đối với 02 chiếc xe là 18.410.000 đồng và bảo hiểm bắt buộc 02 xe là 2.975.000 đồng, ông Bchỉ yêu cầu Công ty cổ phần N phải có trách nhiệm trả lại cho ông Qtiền ký quỹ (đặt cọc) của 02 chiếc xe biển số 61A-523.71 và 61A-520.94 với số tiền 30.000.000 đồng/1 xe x 2 = 60.000.000 đồng.

** Ý kiến người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn - Luật sư Dương Thùy Liên:* Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc Công ty cổ phần N phải có trách nhiệm trả lại cho ông Qtiền đặt cọc của 02 chiếc xe biển số 61A-523.71 và 61A-520.94 với số tiền là 60.000.000 đồng. Lý do là ông Qkhông vi phạm hợp đồng hợp tác kinh doanh và mua xe trả chậm, đóng tiền hàng tháng đầy đủ.

- Đại diện bị đơn Công ty cổ phần N trình bày tại Tòa án:

Công ty cổ phần N và ông Huỳnh Mỹ Q có ký 03 Hợp đồng mua xe trả chậm và Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 233/2018/HĐ.HTKD ngày 01-4-2018 đối với chiếc xe biển số 68A-076.65, Hợp đồng số 293/2018/HĐ.HTKD ngày 08-10-2018 đối với chiếc xe biển số 61A-520.94 và Hợp đồng số 295/2018/HĐ.HTKD ngày 08-10-2018 đối với chiếc xe biển số 61A-523.71. Nội dung và các điều khoản hợp đồng đúng như bên nguyên đơn trình bày.

Về yêu cầu của ông Qbuộc công ty trả lại số tiền cọc (ký quỹ) là 60.000.000 đồng, tiền thương quyền tháng 10-2019 là 12.184.193 đồng. Tiền đóng bảo hiểm thân xe là 18.410.000 đồng. Tiền bảo hiểm bắt buộc 02 xe là 2.975.000 đồng. Tổng cộng là 93.569.000 đồng đối với 02 chiếc xe biển số 61A-523.71 và 61A-520.94 thì công ty không đồng ý thanh toán bất cứ một khoản tiền nào. Vì tất cả những khoản tiền trên đã được quy định chi tiết, ghi rõ trong hợp đồng, ông Qlà người vi phạm Khoản 6.2 Điều 6 trong hợp đồng hợp tác kinh doanh số 293/2018/HĐHTKD ngày 08-10-2018 và số 295/2018/HĐHTKD ngày 08-10-2018 nên đã bị đơn phương chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Khoản 13.3 Điều 13 hợp đồng 293 và 295, mà ông Qlà một bên ký kết trong hợp đồng. Nên công ty không thanh toán bất cứ một khoản tiền nào, kể cả tiền ký quỹ và tiền trả trước (nếu có).

Về phần ông Qcó mua 03 chiếc xe trả chậm của công ty và ký quỹ tổng cộng 90.000.000 đồng, số tiền này là để đóng thuế trước bạ và các loại phí, nhưng nếu bên mua xe thực hiện tốt hợp đồng cho đến khi kết thúc hợp đồng, công ty sẽ trả lại số tiền ký quỹ này. Còn nếu vi phạm hợp đồng thì công ty sẽ không trả lại số tiền ký quỹ này. Trong 03 chiếc xe ông Qmua thì có 01 chiếc xe biển số 68A-076.65 gây tai nạn, ông Qbỏ lại gara không giải quyết hậu quả, sau đó thì công ty phải đưa xe về nên công ty đã thu hồi lại chiếc xe này. Còn lại 02 chiếc xe biển số 61A-523.71 và 61A-520.94 do không thanh toán tiền trả góp hàng tháng nên công ty đã ra Quyết định thu hồi luôn 02 xe này.

Tại phiên tòa đại diện Công ty cổ phần N vắng mặt.

** Ông Trần Bá T đại diện Công ty TNHH. H trình bày tại Tòa án:* Ông T xác nhận Công ty cổ phần N có ký các hợp đồng mua xe trả chậm và hợp tác kinh doanh với ông Huỳnh Mỹ Q, trong đó có 02 chiếc xe biển số 61A-523.71 và 61A-520.94 do Công ty đăng ký tại Công an tỉnh Bình Dương theo tên chủ xe là Công ty TNHH. T và ông T cũng là người đại diện pháp luật của công ty này.

Tại phiên tòa đại diện Công ty TNHH. Tvắng mặt.

** Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Thực hiện đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Thời hạn chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử: Đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Mỹ Q đối với bị đơn Công ty cổ phần N. Chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghị án, Toà án nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Ngày 16-4-2020 ông Huỳnh Mỹ Q có đơn khởi kiện yêu cầu Công ty cổ phần N phải có trách nhiệm trả lại cho ông Qtổng cộng số tiền là 93.569.000 đồng, gồm tiền ký quỹ (đặt cọc) và tiền mua bảo hiểm xe cùng với tiền thương quyền, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án theo quy định tại khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Toà án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp hợp đồng mua xe trả chậm và hợp đồng hợp tác kinh doanh vì giao dịch giữa nguyên đơn và bị đơn không thỏa mãn các điều kiện về hợp đồng thuê tài sản.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn đại diện Công ty cổ phần N và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đại diện Công ty Trách nhiệm hữu hạn H không có mặt theo Thông báo tiếp tục mở phiên tòa và Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án. Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đồng ý xử vắng mặt bị đơn

và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Do vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2] *Về nội dung:* Tại phiên tòa ông Ngô Minh B - đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số tiền thương quyền tháng 10-2019 đối với xe biển số 61A-520.94 và 61A-523.71 là 12.184.193 đồng. Tiền mua bảo hiểm thân xe đối với 02 chiếc xe là 18.410.000 đồng và bảo hiểm bắt buộc 02 xe là 2.975.000 đồng, ông Bchỉ yêu cầu Công ty cổ phần N phải có trách nhiệm trả lại cho ông Qtiền ký quỹ (đặt cọc) của 02 chiếc xe biển số 61A-523.71 và 61A-520.94 với số tiền 30.000.000 đồng/1 xe x 2 = 60.000.000 đồng, Toà án nhận thấy:

Ông Huỳnh Mỹ Q và Công ty cổ phần N có ký Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 233/2018/HĐ.HTKD ngày 01-4-2018 đối với chiếc xe biển số 68A-076.65, Hợp đồng số 293/2018/HĐ.HTKD ngày 08-10-2018 đối với chiếc xe biển số 61A-520.94 và Hợp đồng số 295/2018/HĐ.HTKD ngày 08-10-2018 đối với chiếc xe biển số 61A-523.71, về việc thương quyền trả góp có ký quỹ trong lĩnh vực kinh doanh vận tải hành khách công cộng với thương hiệu là PQ taxi. Với hình thức hợp tác kinh doanh bằng tài sản là xe taxi thuộc quyền sở hữu của Công ty cổ phần N là 03 chiếc xe mang biển số 61A-523.71, 61A-520.94 và 68A-076.65. Thời hạn hợp tác kinh doanh là 06 năm. Ông Qđã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo Điều 3, điều 5 và điều 6 của các hợp đồng nêu trên. Tuy nhiên, ngày 16-10-2019 Công ty cổ phần N đã đơn phương ban hành quyết định thu hồi 03 chiếc xe trên với lý do ông Qvi phạm hợp đồng, quá hạn thanh toán tiền âm xe tháng 9-2019 với số tiền cả 02 xe biển số 61A-523.71, 61A-520.94 là 4.471.991 đồng. Ông Bcho rằng ông Qkhông vi phạm hợp đồng vì vào ngày 25-9-2019 và ngày 09-10-2019 ông Qđã thanh toán đầy đủ các khoản tiền phải đóng của tháng 10-2019 cho công ty. Đối với chiếc xe 68A-076.65 do gây tai nạn ông Qbỏ lại giữa đường nên Công ty thu hồi là đúng nên ông Qkhông khởi kiện đối với chiếc xe này.

Tại Tòa án, đại diện Công ty cổ phần N không đồng ý với yêu cầu của ông Qđối với số tiền ký quỹ (đặt cọc) là 60.000.000 đồng, tiền thương quyền tháng 10-2019 là 12.184.193 đồng. Tiền đóng bảo hiểm thân xe là 18.410.000 đồng. Tiền bảo hiểm bắt buộc 02 xe là 2.975.000 đồng. Tổng cộng là 93.569.000 đồng. Với lý do ông Qđã vi phạm Khoản 6.2 Điều 6 Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 293/2018/HĐHTKD ngày 08-10-2018 và Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 295/2018/HĐ.HTKD ngày 08-10-2018 nên đã bị đơn phương chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Khoản 13.3 Điều 13 trong hợp đồng.

Xét thấy, tại Khoản 6.2 Điều 6 của Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 293/2018/HĐHTKD ngày 08-10-2018 và Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 295/2018/HĐ.HTKD ngày 08-10-2018 có nội dung: "…Vào ngày 25 hàng tháng bên A thanh toán cho bên B các khoản tiền phí, gốc và lãi trả ngân hàng…Nếu quá thời hạn thanh toán trên 03 ngày mà bên A vẫn chưa thanh toán dứt điểm cho bên

B thì bên B có quyền chấm dứt hợp đồng trước thời hạn, thu hồi tài sản mà không phải bồi thường hoặc hoàn trả cho bên A bất cứ khoản tiền nào". Tại Khoản 13.3 Điều 13 của Hợp đồng số 293 và 295 có nội dung: "Trong trường hợp bên A không thực hiện đúng và đầy đủ các điều kiện như Điều 6 của hợp đồng này, thì bên B có quyền chấm dứt hợp đồng trước thời hạn mà không phải bồi thường hay hoàn trả bất cứ một khoản tiền nào kể cả tiền ký quỹ và tiền trả trước (nếu có) cho bên A". Theo phiếu thu tiền mặt ngày 25-9-2019 của Công ty cổ phần N đã thể hiện nội dung thu của ông Qsố tiền 9.565.000 đồng theo hợp đồng số 293/2018/HĐHTKD ngày 08-10-2018 gồm: tiền trả góp tháng 10-2019, phí thương hiệu tháng 10-2009 và một số loại phí khác (ghi chú là đã chuyển khoản 2.000.000 đồng). Qua đó, cho thấy về thực hiện hợp đồng số 293 đối với xe biển số 61A-520.94 thì ông Qkhông vi phạm theo Khoản 6.2 Điều 6 của hợp đồng cho nên việc Công ty cổ phần N ban hành Quyết định số 27/QĐ-NTRG ngày 16-10-2019 thu hồi đối với chiếc xe biển số 61A-520.94 là không đúng với các điều khoản quy định trong hợp đồng số 293. Về việc thực hiện Hợp đồng số 295/2018/HĐ.HTKD ngày 08-10-2018 đối với chiếc xe biển số 61A-523.71 thì ngày 09-10-2019 công ty đã ra phiếu thu thu của ông Qsố tiền 11.565.000 đồng đối với tiền trả góp tháng 10-2019, tiền phí thương hiệu và các loại phí khác, theo ông Bxác nhận thì phiếu thu ngày 09-10-2019 là đóng các khoản tiền cho tháng 10 chứ không phải tháng 09 như trong phiếu thu ghi nhầm. Tuy ông Qđóng các khoản tiền tháng 10 trễ so với thời hạn quy định trong hợp đồng nhưng công ty vẫn thu tiền và ra phiếu thu, mặc nhiên là công ty đã chấp thuận cho ông Qtiếp tục thực hiện hợp đồng. Do đó, việc công ty ban hành Quyết định số 28/QĐ-NTRG ngày 16-10-2019 thu hồi đối với chiếc xe biển số 61A-523.71 là không đúng với các điều khoản quy định trong hợp đồng số 295. Mặt khác, Công ty cổ phần N không cung cấp được các biên bản làm việc với ông Qvề việc vi phạm hợp đồng trước khi ban hành các quyết định thu hồi xe. Từ những nhận định trên, cho thấy yêu cầu khởi kiện của ông Qlà có cơ sở chấp nhận.

Đối với chiếc xe biển số 68A-076.65 đương sự không yêu cầu nên HĐXX không xem xét, sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[3] Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Ngô Minh B xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Mỹ Q đối với Công ty cổ phần N về số tiền thương quyền tháng 10-2019 của 02 chiếc xe là 12.184.193 đồng. Tiền mua bảo hiểm thân xe đối với 02 chiếc xe là 18.410.000 đồng và bảo hiểm bắt buộc 02 xe là 2.975.000 đồng nên HĐXX đình chỉ đối với yêu cầu này là phù hợp theo quy định pháp luật.

[4] Xét yêu cầu của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có cơ sở chấp nhận như đã phân tích và nhận định trên.

[5] Thống nhất ý kiến của Kiểm sát viên về quan điểm giải quyết vụ án như đã phân tích và nhận định trên.

[6] Căn cứ các điều 450, 453, 504, 507, 508 và 512 Bộ luật Dân sự năm 2015; Toà án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Mỹ Q; Buộc Công ty cổ phần N trả lại cho ông Qtiền ký quỹ (đặt cọc) tổng cộng là 60.000.000 đồng theo Hợp đồng số 293/2018/HĐ.HTKD ngày 08-10-2018 đối với chiếc xe biển số 61A-520.94 và Hợp đồng số 295/2018/HĐ.HTKD ngày 08-10-2018 đối với chiếc xe biển số 61A-523.71.

[7] *Án phí dân sự sơ thẩm:* Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 3.000.000 đồng. Ông Huỳnh Mỹ Q không phải chịu án phí, hoàn trả tiền tạm ứng án phí 2.340.000 đồng cho ông Qtheo biên lai thu số 0002314 ngày 17-4-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 26, 91, 147, 228, 244, 266 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các điều 450, 453, 504, 507, 508 và 512 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Mỹ Q.

2. Buộc Công ty cổ phần N trả lại ông Huỳnh Mỹ Q tiền ký quỹ (đặt cọc) tổng cộng là 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng) theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 293/2018/HĐ.HTKD ngày 08-10-2018 đối với chiếc xe biển số 61A-520.94 và Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 295/2018/HĐ.HTKD ngày 08-10-2018 đối với chiếc xe biển số 61A-523.71.

Kể từ ngày ông Huỳnh Mỹ Q có đơn yêu cầu thi hành án nếu Công ty cổ phần N không trả số tiền trên thì còn phải trả cho ông Qkhoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Mỹ Q đối với số tiền thương quyền tháng 10-2019 của 02 xe biển số 61A-520.94 và 61A-523.71 là 12.184.193 đồng. Tiền mua bảo hiểm thân xe đối với 02 xe là 18.410.000 đồng và bảo hiểm bắt buộc 02 xe là 2.975.000 đồng.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Công ty cổ phần N phải nộp án phí là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Ông Huỳnh Mỹ Q không phải chịu án phí, hoàn trả tiền tạm ứng án phí 2.340.000 đồng cho ông Qtheo biên lai thu số 0002314 ngày 17-4-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014".

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THA dân sự huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tạ Thị Xuân